



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Nhật Nghe - Nói 1
- Mã học phần: JAP310
- Số tín chỉ: 2 TC (2/0/4)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần trước: Nhập môn ngành ngôn ngữ Nhật (JAP303)
- Đơn vị phụ trách: Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 30

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Hằng
- Chức danh, học vị: Cử nhân
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0362.033.399
- Email: hangttt2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đỗ Thị Thu Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 090 573 5895
- Email: hiendtt2@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho người học từ vựng và ngữ pháp để giao tiếp các chủ đề cơ bản thuộc trình độ sơ cấp. Người học được luyện tập các cấu trúc ngữ pháp ở trình độ sơ cấp đơn giản để nghe và nói về các chủ đề: giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, hỏi và nói giá sản phẩm,

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Hiểu các quy tắc chào hỏi trong giao tiếp cơ bản trình độ sơ cấp
- Biết giao tiếp về các chủ đề đơn giản trình độ sơ cấp: giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, hỏi và nói giá sản phẩm,
- Hiểu được ý nghĩa khoảng 80 mẫu ngữ pháp sơ cấp giai đoạn đầu.
- Hiểu được khoảng 200 từ vựng cấp độ N5.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết kiến thức ngữ pháp tổng quát trình độ Sơ cấp.
CLO2	Hiểu biết kiến thức văn hoá Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ Sơ cấp.
CLO3	Xác định các mẫu ngữ pháp sử dụng trong giao tiếp theo từng chủ đề.
CL04	Ghi nhớ từ vựng liên quan trong trình độ sơ cấp
Kỹ năng	
CLO5	Nghe được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO6	Nói được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,
CLO7	Viết một cách thành thạo đoạn văn giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích,...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO8	Tích cực, chủ động trong học tập.
CLO9	Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp.
CLO10	Lên kế hoạch, tổ chức, phân công nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO1		X	X				X						
CLO2		X	X				X						
CLO3		X	X				X				X		
CLO4		X	X				X				X		
CLO5			X				X				X		
CLO6			X				X				X		
CLO7			X				X				X		
CLO8							X		X	X	X	X	
CLO9							X		X	X	X	X	
CLO10							X		X	X	X	X	X

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Bài 1	初めまして	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 2	これからお世話になります	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 3	これをください	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 4	そちらは何時までですか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 5	この電車は甲子園へ行きますか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 6	いっしょに行きませんか。	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 7	いらっしやい	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 8	そろそろ失礼します	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 9	残念ですが	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 10	ナンプラー、ありますか。	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 11	これ、お願いします	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Bài 12	祇園祭りはどうでしたか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
	Người học được luyện tập các mẫu ngữ pháp thông qua luyện tập kỹ năng nghe.	
	Người học được luyện tập các mẫu ngữ pháp thông qua luyện tập kỹ năng nói.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
	Người học chia nhóm để thảo luận về các chủ đề theo từng bài học.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	初めまして	2			4	6	
2	これからお世話になります	2			4	6	
3	これをください	2			4	6	
4	そちらは何時までですか	2			4	6	
5	この電車は甲子園へ行きますか	2			4	6	
6	いっしょに行きませんか。	2			4	6	
7	いらっしやい	3			6	9	
8	そろそろ失礼します	3			6	9	
9	残念ですが	3			6	9	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
10	ナンプラー、ありますか。	3			6	9	
11	これ、お願いします	3			6	9	
12	祇園祭りはどうでしたか	3			6	9	
Tổng		30			60	90	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1.
2.
3.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và giải thích nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài bài tập luyện nghe nói về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X		X	X	X	X	X	X
Đọc và giải thích nội dung tài liệu	X	X	X	X			X		X	X
Tư duy cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận	X	X	X		X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X		X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
 - a. Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
 - b. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Vấn đáp

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Bài tập nhỏ	X	X	X	X	X	X				
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X
Vấn đáp					X	X				

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2008 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

Giáo trình chính:

みんなの日本語初級I– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2008) (*Minna no Nihongo Shokyuu I*)

みんなの日本語初級I– 聴解タクス25 (NXB 3A Corporation, 2008) (*Minna no Nihongo Shokyuu I - Choukai takusu 25*)

13.2. Tài liệu tham khảo

1. みんなの日本語初級I ベトナム語語彙訳(NXB 3A Corporation, 2008)
(*Minna no Nihongo Shokyuu I betonamugo goiyaku*)
2. みんなの日本語中級I–標準問題集(NXB 3A Corporation, 2008)
(*Minna no Nihongo Chyukyu I – hyojyunmondaishuu*)

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến

CN. Trần Thị Thanh Hằng